

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/HS-ST**
Ngày 12-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Gia Khánh và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST- HS ngày 31 tháng 03 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 04 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B; sinh năm 1994 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 7A Tây, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1969; trú tại: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1959; trú tại: Xóm 7A Tây, xã C, huyện K, Tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị N – sinh năm 1972; trú tại: số nhà 714, đường N, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H1 – sinh năm 1988; trú tại: Phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 25/11/2019, B điều khiển xe mô tô HondaWaveERSX màu đỏ đen mang BKS 35K1-109.00 của bố để từ nhà đi lang thang dọc theo các đường của xã C rồi đến xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình thì B phát hiện nhà bà Nguyễn Thị H (trú tại xóm 3, xã K, Tỉnh Ninh Bình) không có ai ở nhà cửa khóa ngoài B nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà H trộm cắp tài sản. B đi xe vào sân, nhặt ở vườn một tô vít đã rỉ sét dài khoảng 30cm không có nắm tay cầm rồi đi đến gian buồng lồi phía Đông của nhà được gài bằng chốt ngang và được khóa bằng móc khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen có móc khóa màu trắng chiều ngang 3,6cm chiều dài 6cm. B dùng tô vít bẩy bật móc khóa ra mở cửa rồi treo luôn khóa vào chốt ngang trên cửa rồi đi vào trong. B tìm kiếm thì lấy được tờ 200.000đ trong ngăn kéo bàn trang điểm, sau đó đi ra khỏi buồng lồi tiếp tục dùng thủ đoạn tương tự phá khóa Việt Tiệp của cửa chính của nhà rồi treo khóa vào chốt ngang của cánh cửa bên trái đi vào trong nhà. B lục ngăn tủ treo quần áo của tủ ti vi thì thấy 01 vỏ hộp điện thoại bên trong có tờ tiền mệnh giá 200.000đ, B lấy cho vào túi quần. B tiếp tục dùng hai tay nắn các túi quần áo treo trong tủ phát hiện bên trong túi ngực bên phải của áo khoác bộ đồ có 01 nhẫn màu vàng, mặt trong nhẫn có in chìm chữ 10k, mặt ngoài in chìm số 133, trên nhẫn có gắn 01 viên đá hình chữ nhật màu đen, sọc trắng rồi cho vào túi quần. Cùng lúc đó B phát hiện bà H đang vác cây chuối phía ngoài vườn đi về, thấy vậy B bỏ chạy, trên đường đi B đánh rơi chiếc tô vít. Ngày hôm sau trên đường đi làm B có vào cửa hàng vàng bạc “NS” do bà Phạm Thị N (Số nhà 714 đường N, phường N, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình) là chủ, B bán cho bà N chiếc nhẫn với giá 1.800.000đ. Sau khi bán được nhẫn lấy tiền, B sử dụng toàn bộ số tiền này và số tiền 400.000đ lấy ở nhà bà H tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 15/12/2019 bà H mới đến trình báo với Đoàn Công an Bình Minh về vụ việc bị mất trộm tài sản do bận công việc. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã thu giữ được chiếc nhẫn tại cửa hàng vàng bạc “NS” do chị Phạm Thị N tự nguyện giao nộp, ngoài ra còn thu giữ 02 khóa móc “Việt Tiệp” màu đen có móc màu trắng tại nhà bà H.

Ngày 27/12/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chiếc nhẫn mà B đã trộm cắp. Kết luận số 7854/C09-P4, ngày 6/01/2020 của Viện Khoa học, Hình sự, Bộ Công an kết luận: 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, mặt trong nhẫn có in chữ và số “KL.SL10K”, mặt ngoài nhẫn in chìm số 133, mặt nhẫn có gắn viên đá màu đen sọc trắng hình chữ nhật có tổng khối lượng là 7,53g, trong đó phần kim loại màu vàng có khối lượng 4,98g là vàng trang sức gồm hàm lượng Au: 40,67%, ngoài ra còn có Ag: 7,12%; Cu: 42,98%; Zn: 9,23% và viên đá màu đen hình chữ nhật sọc trắng có khối lượng 2,55g thủy tinh.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/HĐ ĐG ngày 5/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, huyện K kết luận chiếc nhẫn

vàng nêu trên tại thời điểm bị xâm hại có giá trị 2.476.000 đồng/ trong đó phần kim loại màu vàng có tổng khối lượng 4,98g là vàng trang sức có giá trị 2.283.000 đồng và viên đá hình chữ nhật có sọc trắng có khối lượng 2,55g thủy tinh có giá trị 193.000đ. Đối với 2 khóa móc Việt Tiệp và chiếc tô vít cũ, bản thân bà H xác định những đồ vật, tài sản này đã cũ và giá trị còn lại không đáng kể, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không yêu cầu định giá đối với những đồ vật, tài sản này.

Như vậy, tổng giá trị tài sản là chiếc nhẫn vàng và số tiền 400.000đ, Nguyễn Văn B đã chiếm đoạt là 2.876.000đ

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn B đã thành khẩn khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Cáo trạng số 23/CT – VKS – KS ngày 30 tháng 03 năm 2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Bình cho UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng các quy định của pháp luật để về xử lý vật chứng
- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên toà của bị cáo Nguyễn Văn B như nội dung bản cáo trạng, bị cáo khai: Khoảng 9 giờ ngày 25 tháng 11 năm 2019 bị cáo từ nhà thuộc xã C đi lên khu vực xã K, qua khu vực nhà bà H thấy không có ai ở nhà, cửa cổng lại không khóa bị cáo đã vào sân nhà bà Hồng nhặt được một tô vít đã rỉ sét trong vườn nhà bà H sử dụng để phá khóa cửa. Bị cáo vào nhà bà H lục soát và lấy được 01 nhẫn vàng cùng với số tiền 400.000đ. Phát hiện thấy bà H về thì bị cáo đã bỏ đi. Nhẫn vàng lấy trộm được bị cáo mang lên Ninh Bình bán cho một hiệu vàng được 1.800.000đ cùng với số tiền mặt 400.000đ bị cáo sử dụng tiêu sài hết cho cá nhân.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các vật chứng đã thu giữ và hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại nhà của bà Nguyễn Thị H ở xóm 3, xã K, huyện K, Nguyễn Văn B đã phá khóa cửa ra vào, lén lút đột nhập vào nhà bà H trộm cắp số tiền 400.000đ và 01 nhẫn vàng trang sức có giá trị là 2.476.000đ. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn B chiếm đoạt của bà H là 2.876.000đ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Việc Nguyễn Văn B đã có hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ mình trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Văn B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản cho bị hại. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra bị hại là bà Nguyễn Thị Hồng có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị

cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc nhẫn mà bị cáo lấy trộm của bà Hồng đã được thu hồi và trả lại cho bà Hồng đồng thời Nguyễn Văn B đã bồi thường cho bà H số tiền 400.000đ, Đối với 02 chiếc khóa móc Việt Tiệp do B phá hỏng và 01 tô vít nay bà H không yêu cầu bị cáo bồi thường và cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về vấn đề bồi thường dân sự. Bị cáo Nguyễn Văn B đã bồi thường số tiền 1.800.000đ cho bà Phạm Thị N là chủ cửa hàng vàng đã mua chiếc nhẫn vàng của bị cáo B. Bà N đã nhận lại tiền và không yêu cầu thêm gì về vấn đề trách nhiệm dân sự. Do vậy về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho bà Nguyễn Thị 01 nhẫn vàng thuộc quyền sở hữu của bà H là đúng quy định của pháp luật. Đối với 02 móc khóa Việt Tiệp do bị cáo phá hỏng và 01 tô vít bị cáo lấy tại nhà bị hại. Chiếc tô vít cũ bị cáo đã đánh rơi trên đường nên không tìm thấy, đối với hai móc khóa nay do bị hại không có nhu cầu lấy lại vì những tài sản đã không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Chiếc xe mô tô bị cáo B sử dụng để đi trộm cắp tài sản quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bố bị cáo là ông Nguyễn Văn K. Nên cơ quan Điều tra không tiến hành thu giữ vào xem xét trong vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình

sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 6 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trương hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình tịch thu tiêu hủy: 02 khóa móc treo, loại khóa Việt Tiếp.

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/03/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/05/2020), bị hại , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã C;
- Bị cáo.
- Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh